

Số: 1812/QĐ-UBND

Gia Phúc, ngày 17 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư
thôn Lai Hà, xã Gia Phúc**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Gia Lộc về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư thôn Lai Hà, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc;

Căn cứ Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND huyện Gia Lộc về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư thôn Lai Hà, xã Hoàng Diệu, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Gia Phúc về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư thôn Lai Hà, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND xã Gia Phúc về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư thôn Lai Hà, xã Gia Phúc;

Căn cứ Thông báo số 38/KQTĐ-KT ngày 12/9/2026 của Phòng Kinh tế xã Gia Phúc về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư thôn Lai Hà, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 116/TTr-KT ngày 15/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư thôn Lai Hà, xã Gia Phúc với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư thôn Lai Hà, xã Gia Phúc.
2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
 - Loại, nhóm Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới; Nhóm C
 - Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
3. Địa điểm xây dựng:
 - Khu đất thực hiện dự án nằm trên địa bàn thôn Lai Hà, xã Gia Phúc, thành phố Hải Phòng.
 - Tổng diện tích nghiên cứu theo quy hoạch là 43.208,3 m² trong đó: Diện tích thực hiện dự án 37.975,2 m², diện tích khu vực phụ cận- kết nối hạ tầng kỹ thuật 5.233,1 m² ranh giới như sau:
 - + Phía Bắc giáp dân cư thôn Lai Hà;
 - + Phía Nam giáp đất canh tác nông nghiệp;
 - + Phía Đông giáp dân cư thôn Lai Hà;
 - + Phía Tây giáp đường huyện 191C.
4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Gia Phúc.
5. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Gia Phúc.
6. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty

TNHH một thành viên tư vấn xây dựng 30-10 và Công ty TNHH thiết bị phòng cháy chữa cháy Thành Đông.

7. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Xây dựng điểm dân cư mới đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu về đất ở cho nhân dân thôn Lai Hà và xã Gia Phúc và khu vực lân cận; tạo hiệu quả sử dụng đất, đầu nối khu dân cư hiện trạng và tăng thu ngân sách cho nhà nước.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Hạng mục San nền:

- Trước khi san lấp đào bóc tầng mặt các ô chia lô (LK; NV) htb=0,3m, đắp tận dụng ô cây xanh, còn thừa tập trung lại và xử lý theo quy định của Nghị định 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa); Để giảm chi phí đầu tư xây dựng, tăng hiệu quả đầu tư tại các ô này tiến hành san lấp bằng đất san lấp cao độ thấp hơn cao độ thiết kế định hướng theo Quy hoạch 0,5m phần còn lại cao độ san lấp đúng theo cao độ san nền định hướng.

Theo Quy hoạch định hướng chiều cao san nền điều chỉnh:

- Cao độ định hướng san nền thấp nhất là +2,60m, cao nhất là +3,12m.
- Cao độ tim đường hoàn thiện: từ +2,60m đến +3,10m.
- Hướng san nền: từ Tây Bắc xuống Đông Nam.
- Độ dốc san nền $\geq 0,25\%$.
- Đối với đất đào từ nền đường, cống rãnh thoát nước sẽ được tận dụng đắp bọc taluy vĩa hè, đắp bọc dải hành lang kỹ thuật, thiết kế đắp bọc mái taluy rộng 0,5m, độ dốc mái taluy đắp $m=1,5$ để bảo vệ vĩa hè, hành lang kỹ thuật.

8.2. Hạng mục Đường giao thông, bãi xe:

a. Thiết kế bình đồ giao thông:

Các tuyến đường giao cắt với nhau với bán kính bó vĩa $R = 8m, 10m, 12m$. Đường nội bộ được thiết kế với vận tốc thiết kế 30 Km/h.

* Các tuyến đường trong phạm vi diện tích thực hiện dự án theo quy hoạch:

- Tuyến 1- Vĩa hè phải 5,0m phía dân cư mới.
- Tuyến 2: Chiều dài 314m, nằm ở phía Nam và chạy song song với tuyến 1, có mặt cắt ngang gồm 7,5m mặt đường + 2x5,0m vĩa hè.
- Tuyến 3: Chiều dài 350m, nằm dọc ranh giới phía Tây Nam dự án, chạy song song với tuyến 1, tuyến 2, có mặt cắt ngang gồm 7,5m mặt đường + 5,0m vĩa hè phía đất chia lô + Lề đất 0,5-1,0m taluy 1/1,5 phía mương đến ranh giới dự án (chỉ giới theo quy hoạch 2,0m vĩa hè). Đây là tuyến đường kết nối với đường huyện 191C.
- Tuyến 4: Chiều dài 126m, nằm song song với đường huyện 191C, dọc ranh giới phía Tây Bắc dự án, có mặt cắt ngang gồm 7,5m mặt đường + 5,0m vĩa hè phía đất chia lô + 3,0m vĩa hè phía mương.

- Tuyến 5: Chiều dài 113m, chạy vuông góc với tuyến đường 1, nằm ở trung tâm dự án, có mặt cắt ngang gồm 7,5m mặt đường + 2x5,0m vỉa hè.

- Tuyến 6: Chiều dài 114m, chạy vuông góc với tuyến đường 1, nằm dọc ranh giới phía Đông dự án, có mặt cắt ngang gồm 7,5m mặt đường + 5,0m vỉa hè phía đất chia lô + 2,5÷3,0m vỉa hè phía ngoài.

* Các tuyến đường trong phạm vi diện tích khu vực phụ cận- kết nối hạ tầng kỹ thuật:

- Tuyến 1: Chiều dài 285m là đường trục xã nằm dọc theo ranh giới phía ở phía Đông Bắc dự án. Mặt cắt ngang đường rộng 7,5m, vỉa hè trái + 3,0m phía dân cư hiện trạng. Đây là tuyến đường kết nối với đường huyện 191C.

- Nút giao đầu tuyến 3 kết nối với đường huyện 191C.

- Khu dân cư được kết nối với đường huyện 191C thông qua 2 vị trí gồm tuyến 1 (đường bê tông hiện trạng) và đầu tuyến 3 (làm mới) được đầu tư ngay trong khi thực hiện dự án.

- Giải pháp đầu nối qua 02 tuyến kênh tiêu, và kênh KC hiện trạng:

+ Đối với tuyến mương giáp đất dự án (giáp tuyến 4, là tuyến mương tiêu do UBND xã Gia Phúc quản lý, đặt cống hộp bxxh=(1250x1250) thoát nước tại các vị trí đầu nối là đầu tuyến 3 và đầu tuyến 1 của dự án.

+ Đối với kênh KC trạm bơm Hoàng Diệu do Cty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi quản lý xây dựng cống hộp BTCT BxH = (1500 x 1500) tưới tiêu kết hợp tại 02 vị trí Km0+890 và Km0+970 tương ứng với vị trí đầu tuyến 3 và đầu tuyến 1 của dự án.

b. Thiết kế kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường loại 1 - KC1: Kết cấu áo đường làm mới.

+ Lớp mặt bê tông nhựa rải nóng BTNC 16 dày 7 cm,

+ tước nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 1,0 Kg/m²;

+ Lớp móng trên CPDD loại 1 dày 15cm, lớp móng dưới CPDD loại 2 dày 25cm;

+ Nền đường đất đồi đầm chặt K98 dày 50cm, đất đồi đầm chặt K0,95 dày 30cm.

+ Bù vênh bằng đất đồi đầm chặt K0,95 áp dụng cho phạm vi chiều cao đắp lớn hơn chiều dày kết cấu áo đường

+ Trước khi đắp nền đường khi tiến hành đào đất không thích hợp (bùn mương, hữu cơ mặt ruộng, ...).

- Kết cấu áo đường loại 2 - KC2: Kết cấu áo đường áp dụng với tuyến 1 và tuyến 6 phần đường cũ:

+ Lớp mặt bê tông nhựa rải nóng BTNC 16 dày 7 cm,

+ Tước nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 1,0 Kg/m²;

+ Bù vênh lớp móng trên CPDD loại 1 dày trung bình 10cm,

+ Nền, mặt đường cũ tận dụng lại.

c. Thiết kế vỉa hè:

- Thiết kế kết cấu vỉa hè: Lát hè đường bằng gạch block tự chèn mác 200 dày 6cm; Đệm móng cát vàng dày 5cm; nền phía dưới đắp đất đồi đầm chặt $K \geq 0,90$. Trước đắp nền đường khi tiến hành đào đất không thích hợp trừ phạm vi trồng cây trên vỉa hè (bùn mương, hữu cơ mặt ruộng, ...).

- Thiết kế block, rãnh đan, khóa hè:

+ Viên block vỉa hè: Sử dụng viên block đúc sẵn tông mác 300, đá 1x2 dạng vát kích thước 23x30x100cm cho phạm vi vỉa hè phía trước đất ở chia lô và viên block vuông KT 18x22x100 cho phạm vi vỉa hè khu đất công cộng.

+ Rãnh đan: Bằng M250 đá 1x2 đúc sẵn, kích thước 25x50x5 cm;

+ Khóa hè: Khóa hè xây gạch không nung mác 100, VXM M75.

+ Hồ trồng cây: Có kích thước lòng (0,8x0,8) m. Cự ly trung bình 10m/hố. Kết cấu bằng gạch không nung mác 100 xây vữa M75. Phần trồng cây sẽ thực hiện bằng xã hội hóa sau này.

d. Thiết kế kè chắn bảo vệ nền đường:

Xây dựng kè bê tông cốt thép dọc theo vỉa hè tuyến 4 (giáp ranh giới phía Tây Bắc dự án) với chiều dài khoảng 111m, kè dạng kết cấu bê tông cốt thép với cấu tạo kè chắn như sau:

- Móng kè BTCT M250 đá 1x2 rộng 2,15m dày 0,5m đặt trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm và nền gia cố bằng cọc tre D6-8cm, $L=2,5m$ mật độ 2,5 cọc/m²; Thân kè BTCT M250 đá 1x2 đỉnh rộng 0,3m đáy rộng 0,6m, cao 2,0m; mặt vát vào phía trong phần hè. Thoát nước thân kè bằng ống nhựa PVC D6cm.

- Gờ chắn BTXM KT (1,0x0,2x0,2) m bằng BTXM đổ tại chỗ mật độ 2,0m/ vị trí.

e. Thiết kế tổ chức giao thông.

Hệ thống tổ chức giao thông trong dự án bao gồm sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt (vạch người đi bộ, vạch tim đường, ...), cắm các biển báo hiệu đường bộ có dán phản quang tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

f. Thiết kế bãi đỗ xe:

Xây dựng bãi xe tập trung theo quy hoạch với diện tích 1.191 m². Kết cấu bãi xe lát gạch số 8 M400 KT (80x20x8) cm tự chèn (đệm cát vàng 3 cm) trên lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; Nền đất đồi đầm chặt K_{0,98} dày 30cm, phía dưới đắp tôn nền bằng đất đồi.

8.3. Hạng mục Thoát nước mưa:

a. Giải pháp mạng lưới thoát nước mưa:

- Mạng lưới thoát nước mặt được xây dựng độc lập với mạng lưới thoát nước thải.

- Thu gom nước mặt đường bằng hệ thống các tuyến cống khẩu độ D400, D600, D800 chạy dọc theo vỉa hè các tuyến đường giao thông. Thu nước mặt

vào hồ ga với cự ly trung bình 30m / hồ; Toàn bộ nước mưa và nước mặt (tưới cây, rửa đường...) được thu gom vào hệ thống hồ ga, cống tròn nằm dưới vỉa hè; hướng thoát nước chính từ Đông sang Tây, qua 03 cửa xả ra kênh tiêu dọc phía Tây Bắc dự án cao độ đáy cửa xả lần lượt +1,05; +1,05; +1,10; phù hợp với cao độ đáy kênh tiêu trung bình hiện có là +1,05 (theo hệ cao độ quốc gia)

b. Thiết kế chi tiết:

- Hồ ga, hồ thu:

+ Hồ ga KT 1,0x1,0m (cho cống dọc) và hồ ga KT 1,0x1,2m (tại các đoạn cống thoát nước mưa giao cắt với cống thoát nước thải); hồ thu KT 0,6x0,6m.

+ Cấu tạo hồ ga: Móng hồ ga bằng bê tông M150 đá 2x4 đổ tại chỗ, đệm móng hồ ga bằng đá dăm đệm dày 10cm; tường xây gạch bê tông M10 vữa xi măng M75 chiều dày giắt cấp 33cm và 22cm; Mặt trong trát vữa xi măng M75 dày 1,5cm; Xà mũ hồ ga bằng bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ; Tấm đan nắp hồ ga bằng BTCT M250 đá 1x2 lắp ghép. Cự ly hồ ga từ 25-30m/1 hồ.

- Đường cống thoát nước: Được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 9113:2012. Đối với cống trên hè, thiết kế chịu tải trọng T, cống dưới lòng đường chịu tải trọng TC; Cống sử dụng các loại khẩu độ D400, D600, D800. Ống cống được đặt trên gối đỡ cống BTCT với cự ly 3 gối đỡ cho 1 đoạn cống dài 2,0m, đệm móng cống bằng đá dăm đệm dày 10cm, đối với vị trí cống nằm trên địa chất yếu (mương, thùng cũ) được gia cố bằng cọc tre.

- Cửa thu nước: Cửa thu nước dạng nằm, bao gồm viên block thu nước, hộc thu nước, tấm đan chắn rác bằng BTCT M250 đá 1x2 lắp ghép.

c. Hệ thống thoát nước kênh KC- trạm bơm Hoàng Diệu và mương tiêu nước nội đồng phía Tây Bắc dự án, Kênh N10 trạm bơm Hoàng Diệu phía Đông Nam dự án.

- Tại vị trí mở mới điểm đầu nối phía Tây Nam dự án (đầu tuyến 3):

+ Đầu nối qua kênh KC tại Km0+890: Cống hộp BTCT BxH=1,50x1,50m tải trọng HL93; chiều dài Lc=22,0m. Cao độ đáy cống +1,20;

+ Đầu nối qua mương tiêu nội đồng: Cống hộp BTCT BxH=1,250x1,250m, tải trọng HL93; chiều dài cống Lc=14,0m. Cao độ đáy cống +1,05;

- Tại vị trí cải tạo, mở rộng điểm đầu nối hiện trạng phía Tây Bắc dự án (đầu tuyến 1):

+ Đầu nối qua kênh KC Km0+970: Phá dỡ cống cũ D800 và hoàn trả bằng cống hộp BTCT BxH=1,50x1,50m tải trọng HL 93; chiều dài Lc =27,0m; Cao độ đáy cống +1,20;

+ Đầu nối qua mương tiêu nội đồng: Phá dỡ cống B700 cũ và hoàn trả bằng Cống hộp BTCT BxH=1,250x1,250m, tải trọng HL93; chiều dài cống Lc=18,0m. Cao độ đáy cống +1,05

- Đế cống đúc sẵn lắp ghép bằng BTCT M250 đá 1x2 kích thước tương ứng đặt trên lớp đá dăm đệm móng dày 10 cm, nền đất được gia cố bằng cọc tre D6-8 cm L=2,5m mật độ 16 cọc/ m²

- Kênh N10 trạm bơm Hoàng Diệu tại vị trí phía Đông Nam dự án bị lắp lại để làm đường và thuộc ranh dự án được hoàn trả bằng hoàn trả bằng cống BTCT ngầm D1000 tải trọng T, chiều dài cống Lc=17,5m ; Cao độ đáy cống +1,16 trong phạm vi lề, taluy để nối thông 2 đoạn kênh tường đầu, tường cánh cống xây bằng gạch BT M10.

(Cao độ đáy cống, kênh hiện trạng được đo theo hệ cao độ quốc gia)

8.4. *Hạng mục Thoát nước thải:*

a. Giải pháp mạng lưới thoát nước thải:

- Nước thải của khu dân cư mới và hiện hữu được thu gom, dẫn về bể xử lý nước thải tập trung (chờ đầu tư đồng bộ hệ thống trạm xử lý nước thải của khu vực tránh lãng phí và khó khăn trong khi vận hành) bằng hệ thống hố ga, ống HDPE đường kính D300 và D400 đi ngầm dưới vỉa hè và dọc theo đường kỹ thuật giữa 2 lô đất liền kề, xử lý đảm bảo theo quy định được thoát tự chảy về phía Tây theo ống HDPE đường kính D400 đặt dưới hè đường phía Nam, đổ ra kênh tiêu dọc phía Tây Bắc dự án.

- Tuyến cống thu gom nước thải được đặt dọc theo các khe kỹ thuật giữa các dãy nhà và vỉa hè dọc theo các tuyến đường. Thu nước thải dân cư bằng các hố ga kích thước lọt lòng 0,6x0,6m được đặt cách nhau từ 10-15m (giáp ranh giữa các lô đất). Tuyến ống thu gom sử dụng ống HPDE gân sóng.

- Hố ga thu gom nước thải thiết kế xây gạch, móng bê tông đổ tại chỗ, tấm đan BTCT lắp ghép.

b. Thiết kế chi tiết đường ống thu gom nước thải:

- Ống thu gom nước thải: Sử dụng ống HDPE gân sóng nước thải đường kính D300,D400.

- Hố ga nước thải: Kích thước lòng (0,6x0,6)m. Cấu tạo hố ga như sau:

+ Móng bê tông M150 đá 2x4 đổ tại chỗ dày 15cm, trên lớp đệm đá dăm dày 10cm;

+ Tường hố: xây gạch bê tông M10, VXM M75 dày 22cm; mặt trong trát VXM M75 dày 1,5cm.

+ Xà mũ: Bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ.

+ Tấm đan: Tấm đan M250 đá 1x2 đúc sẵn dày 8cm.

- Hố ga giao cắt nước mưa (cho cống TNM D400 BTCT đi qua): Kích thước lòng (1x1,2)m. Cấu tạo hố ga như sau:

+ Móng bê tông M150 đá 2x4 đổ tại chỗ dày 20cm, trên lớp đệm đá dăm dày 10cm;

+ Tường hố: Xây gạch bê tông M10, VXM M75 xây giát cấp dày

33,22cm; mặt trong trát VXM M75 dày 1,5cm.

+ Xà mũ: Bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ.

+ Tấm đan: Tấm đan M250 đá 1x2 đúc sẵn dày 10cm.

c. Bể xử lý nước thải - bể chứa:

Sơ đồ dòng chảy công nghệ: BASTAF - Bể chứa(Ngăn điều hòa + Ngăn khử trùng (hòa Cloramin B)) → Nguồn tiếp nhận.

Bể xử lý nước thải: Xây dựng bể tự hoại 5 ngăn (bể tự hoại cải tiến BASTAF): 1 ngăn chứa, 04 ngăn lắng có kích thước tim trên mặt bằng B L=14,1 3,5m. Các ngăn có kích thước lọt lòng lần lượt là : Ngăn chứa có kích thước 4,0 3,5x3,0m, 04 ngăn còn lại có cùng kích thước 2,2 3,5x3,0m. Chiều cao xây dựng bể H = 3,0m. Bể được xây bằng bê tông cốt thép có quét chống thấm và trát, láng trong bể VXM M75 dày 2cm. Bể được đặt trên lớp bê tông lót đá 4x6 M100 dày 10cm, và 02 lớp đệm cát lần lượt là cát hạt trung và cát đen đắp nền phủ đầu cọc trên nền gia cố bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

Bể chứa: Bể được xây hợp khối gồm hai ngăn, kết cấu bể:

- Bể xây bằng bê tông cốt thép mác 250, đá 1x2, chống thấm toàn khối.
- Kích thước bể chứa trên mặt bằng: 6,9x6,2m bao gồm 02 ngăn kích thước lọt lòng lần lượt là (3,3x5,7) và (2,9x5,7) m chiều cao 3,4m
- Có nắp đan bê tông có lỗ kiểm tra và nắp nạp hóa chất.
- Bể đặt âm hoàn toàn, có ống thông hơi Ø100 và cửa bảo dưỡng.

8.5. Hạng mục Cấp nước:

- Chiều sâu chôn ống: ống phân phối D110 đặt dưới mặt hoàn thiện tối thiểu 0,75m; đối với các đoạn ống qua đường, sử dụng ống lồng thép DN150 để gia cường. Ống dịch vụ D50 đặt dưới mặt hoàn thiện tối thiểu 0,4m.

- Gõi đỡ ống D110: Tại các vị trí chuyên hướng, lắp đặt T, cút bố trí các gờ đỡ bằng bê tông đúc sẵn M200 đá 1x2 đặt trên nền bê tông lót M100 đá 4x6. Gõi đỡ rộng 400x400mm, bố trí các đai và bu lông cố định ống.

- Hồ van tổng: Được bố trí ở điểm lấy nước. Hồ có kích thước lòng rộng 0,85m, dài 2,07m, cao 1,2m được. Kết cấu ga xây gạch, móng bê tông, tấm đan BTCT lắp ghép.

- Hạng cứu hỏa: Bố trí 7 hạng cứu hỏa D100, hạng cứu hỏa đặt ở vỉa hè các tuyến đường giao thông, đảm bảo thuận tiện về giao thông khi xảy ra hỏa hoạn.

c. Thiết kế chi tiết bể nước phòng cháy kết hợp bơm tăng áp:

- Dung tích hiệu dụng của bể 120 m³. Dung tích thực 155m³.
- Kích thước: bể nước 2 ngăn, mỗi ngăn có kích thước (5,02x4,5x3,37)m. Kích thước phủ bì của bể (10,75x5,0x3,85)m, phần chìm sâu dưới cốt xây dựng là 3,05m. Trên mặt bể bố trí nhà trạm có kích thước lòng (3,78x4,35)m, cao 3,3m để đặt bơm chữa cháy.

- Kết cấu bể, nhà trạm bơm:

+ Bể nước: Bể ngầm BTCT M250 đá 1x2 đổ tại chỗ đặt trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm, nền được gia cố cọc tre, mật độ 16 cọc /m², trát tường trong bể VXM M75 dày 1,5cm, trát tường ngoài bể VXM M50 dày 1,5cm.

+ Nhà trạm bơm: Kết cấu tường chịu lực, sàn mái BTCT đá 1x2 M250 đổ tại chỗ.

- Thiết bị trạm bơm: Bố trí 02 bơm chữa cháy (01 bơm điện thường trực và 01 bơm diesel dự phòng), công suất 43m³/h, chiều cao cột nước 50m. Bố trí 1 téc nước mỗi dung tích 500 lít bên trong nhà trạm.

8.6. Hạng mục đường ống thông tin liên lạc:

a. Phạm vi thực hiện: Dự án thực hiện xây dựng hố ga kéo cáp, ga thuê bao và mạng lưới đường ống chờ luôn cáp. Phần đường dây thông tin do đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông đầu tư sau.

b. Giải pháp xây dựng:

Lắp đặt hệ thống đường ống chờ để luôn cáp bằng ống HDPE D105/80; D65/50 đặt trên vỉa hè và đất hành lang kỹ thuật giữa các lô đất. Các hố ga để kéo cáp.

- Tuyến ống dự kiến đặt đường cáp dịch vụ được bố trí nằm dọc theo đất hành lang kỹ thuật. Lắp đặt 02 đường ống HDPE gân xoắn D65/50. Chiều sâu chôn ống là 0,45m (rải lưới báo hiệu cáp) và gắn móc sứ báo hiệu cáp thông tin. Dọc theo chiều dài ống bố trí các ga kéo cáp KT lòng 0,4 x 0,4m (04 hộ bố trí 1 hố ga).

- Cấu tạo hố ga thông tin: Móng hố ga bằng bê tông M150 đá 2x4 đổ tại chỗ dày 10cm, đệm móng hố ga bằng đá dăm đệm dày 10cm; Tường xây gạch bê tông M10, vữa xi măng M75 dày 11cm, mặt trong trát vữa xi măng M75 dày 1,5cm; Xà mũ hố ga bằng bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ; Tấm đan nắp hố ga bằng BTCT M250 đá 1x2 lắp ghép (dày 8cm với ga KT 0,7x0,7m và dày 6cm với hố ga KT 0,4x0,4m).

8.7. Hạng mục cây xanh tập trung:

- Vị trí xây dựng: Theo quy hoạch chi tiết 1/500 được duyệt, có 04 vị trí cây xanh tập trung tổng diện tích 4.136,6 m²; gồm hệ thống đường dạo, khuôn viên, cây bóng mát, cây hoa, cây bụi.

- Cấu tạo đường dạo: Được thiết kế theo hướng tối giản, phần tường bo đường dạo kiêm luôn nhiệm vụ bó bồn cây và tạo máng thoát nước. Kết cấu đường dạo bằng bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ dày 10cm (rải nilông trước khi đổ bê tông) trên lớp đất tôn nền đầm chặt K95 dày 20cm, phía dưới là lớp đất đắp san lấp. Tường bo xây gạch bê tông M10, VXM mác 75 trên lớp bê tông lót M100 đá 2x4 dày 10cm.

- Hệ thống cây bóng mát, cây thảm và cây độc lập: Sử dụng các loại cây bóng mát (Lát, Lộc Vừng, Ban Tây Bắc, Muồng Kim Phượng....), cây độc lập (Ngẫu Cảnh, Tường Vi,...) và thảm cỏ để tạo cảnh quan không gian cho khu vực.

8.8. Hạng mục cấp điện sinh hoạt:

- Xây dựng mới 01 TBA kiểu trạm trụ công suất 630kVA-35(22)/0,4kV đặt tại khu cây xanh quy hoạch. Lây điện từ tủ RMU trạm biến áp Lai hà sau di chuyển. Cáp ngầm trung thế loại Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC/W-3x50mm²-20/35(40,5) kV, chiều dài khoảng 15m.

- Xây dựng mới hệ thống cáp ngầm 0,4kV và 16 tủ công tơ cấp điện sinh hoạt cho các lô đất, sử dụng loại cáp Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC x50mm²-0,6/1kV, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x70mm²-0,6/1kV, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x95mm²-0,6/1kV, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x120mm²-0,6/1kV, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x185mm²-0,6/1kV.

Đường dây cáp ngầm hạ thế 0,4kV được đầu nối từ Ngăn hạ thế của TBA xây dựng mới tới các tủ lắp công tơ, tủ lắp công tơ được đặt tại khe kỹ thuật giữa các hộ liền kề, phía trước trên vỉa hè. Tuyến cáp ngầm hạ thế luôn trong ống bảo vệ đi dưới vỉa hè, đi trong khe kỹ thuật và đi qua đường giao thông.

8.9. Hạng mục chiếu sáng:

a. Nguồn cấp và các lộ đường dây chiếu sáng:

Lắp đặt 01 tủ điện điều khiển chiếu sáng (tủ ĐKCS 1-100A), tủ đặt trên bệ bê tông, nguồn cấp điện vào tủ ĐKCS lấy từ tủ điện 0,4kV của TBA xây dựng mới cấp điện sinh hoạt KDC. Sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x25+1x16mm²-0,6/1kV dài khoảng 10m đầu nối cấp điện cho tủ ĐKCS.

b. Cáp chiếu sáng, cột đèn.

- Hệ thống chiếu sáng sử dụng cột thép mạ kẽm được bố trí dọc theo vỉa hè các tuyến đường với cự ly từ 30 ÷ 40 m / cột. Cột thép bát giác mạ kẽm nhúng nóng rời cần đơn cao 8m dày 3mm, Chân đế 400x400, tâm 4 lỗ bulong vuông 300x300mm. Dây cáp điện sử dụng cáp ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x10mm². Cáp ngầm được đặt trong các ống HPDE gân xoắn D65/50. luôn trong ống bảo vệ chôn trong hào cáp.

- Dây đầu lên đèn sử dụng dây đồng Cu/PVC/PVC 0,6/1kV có tiết diện 2x2,5mm².

- Đèn chiếu sáng: Sử dụng bóng đèn công nghệ Led với công suất P=100W.

- Mỗi cột đóng 01 cọc tiếp địa RC1. Tiếp địa tủ điện loại RC2.

8.10. Giải phóng mặt bằng:

Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB): Theo các quy định hiện hành về đền bù GPMB. Khối lượng công tác giải phóng mặt bằng bao gồm: Đền bù đất nông nghiệp, hoa màu, nhà tạm, di chuyển đường dây điện...

- Việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Chủ đầu tư thực hiện căn cứ theo các quy định hiện hành và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trong tổng mức đầu tư đơn vị tư vấn đã khái toán chi phí GPMB bao

gồm Chi phí đền bù đất nông nghiệp, hoa màu, nhà tạm và lên phương án di chuyển đường dây điện hiện có theo các quy định hiện hành. Giá trị GPMB cụ thể sẽ được cơ quan có chuyên môn lập và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phương án di chuyển đường dây 35KV, 0,4 KV như sau:

a. Hiện trạng:

Hiện đang có các tuyến đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp (TBA) và cáp viễn thông nằm trong ranh giới quy hoạch:

- Đường dây 35kV nhánh Ngọc Kỳ lộ 373E8.7 đoạn tuyến từ cột số 34 đến cột số 37.

- Đường dây 35kV nhánh Lai Hà lộ 373E8.7 và TBA 180 KVA-35/0,4kV Lai Hà.

- Đường dây 0,4kV sau TBA Lai Hà đoạn từ tủ tổng 0,4kV đến cột số (1,2).10.

- Trên các tuyến đường dây 35kV và đường dây 0,4kV nằm trong ranh giới quy hoạch có các sợi cáp viễn thông của các nhà mạng đang treo trên cột.

b. Phương án di chuyển.

- Di chuyển đường dây 35KV lộ 373 E8.7 nhánh Ngọc Kỳ (Đoạn từ cột số 34 đến cột 36) đi ngầm trong hè, đường quy hoạch. Trồng mới cột điện số 35 và 36 sử dụng cột điện bê tông ly tâm cao 18m. Tại cột số 35 lắp đặt 02 cầu dao, 01 cầu dao cách ly tới cột số 36, 01 cầu dao cách ly cấp tới TBA Lai Hà sau di chuyển. Thay thế cáp trung thế trên không (dây AC70) bằng cáp ngầm ba pha loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC/W 3x120mm²-20/35(40,5)kV.

- Di chuyển trạm biến áp Lai Hà 320KVA 35/0,4kV vào vị trí cây xanh quy hoạch thể hiện trên mặt bằng, trạm biến áp kiểu trụ. Đường dây cấp điện cho TBA Lai Hà sau di chuyển lấy điện từ cột điện số 35 đường dây 35KV lộ 373 E8.7 nhánh Ngọc Kỳ sau di chuyển, sử dụng loại cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC/W 3x70mm²-20/35(40,5)kV luồn trong ống bảo vệ đi trong hè, đường quy hoạch.

- Di chuyển tuyến đường dây 0,4kV sau trạm biến áp Lai Hà: 320kVA-35/0,4kV từ cột (1,2).1 đến cột (1,2).9 vào vị trí hè đường sử dụng cột điện bê tông ly tâm cao 8 và 10m. Tận dụng và bổ sung cáp hạ thế, di chuyển hệ thống công tơ đầu nối hoàn trả cấp điện.

9. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

9.1. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

9.2. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

9.2.1. *Tiêu chuẩn khảo sát xây dựng.*

- Quy trình đo vẽ bản đồ 96TCN 43 - 90 của Cục đo đạc bản đồ Nhà nước;

- Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình TCXDVN 346:2006;

- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình TCVN 9398:2012;

- Đường ô tô Tiêu chuẩn khảo sát TCCS31:2020/TCĐBVN;

- TCVN 9437:2012 khoan thăm dò địa chất công trình;

- TCVN 2683:2012 Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

9.2.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn san nền, đường giao thông:

- Quy chuẩn Việt Nam QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9361:2012. Công tác nền móng- TC và nghiệm thu;

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế : TCVN 4054 - 2005;

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế: TCVN 13592:2022;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN41:2019/BGTVT;

- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm: TCCS 38:2022/TCĐBVN áo đường mềm- các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng- kết cấu áo đường ô tô - thi công nghiệm thu: TCVN 8858-2023;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13567-1:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng- Thi công và nghiệm thu- Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường.

9.2.3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn cấp thoát nước:

- Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2023;

- Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình TCVN 13606:2023;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3890:2021- Phòng cháy chữa cháy - phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9116:2012 – Cống hộp bê tông cốt thép;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9113:2012- Ống bê tông cốt thép thoát nước;

- Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08 – MT:2023/BTNMT.

9.2.4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn cấp điện và chiếu sáng, viễn thông:

- Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BCT ngày 06/01/2023 của Bộ công thương Thông tư Quy định hệ thống điện truyền tải;

- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-18-2006, 11 TCN-19-2006, 11 TCN-20-2006, 11 TCN-21-2006 do Bộ Công nghiệp ban hành kèm theo quyết định số: 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006;

- Văn bản hợp nhất số 57/VBHN-BCT ngày 23/6/2020 Văn bản hợp nhất nghị định quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.
 - Quyết định 959/QĐ-EVN ngày 26/7/2021 về việc ban hành Quy trình an toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.
 - Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường phố, quảng trường đô thị - TCXDVN 259:2001;
 - Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 333-2005 Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị tiêu chuẩn thiết kế;
 - Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BKHCN ngày 21/02/2022 Thông tư Ban hành " Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ Led"
 - Tiêu chuẩn chiếu sáng của hiệp hội chiếu sáng Quốc tế - CIE 115-95;
 - QCVN 07-7:2023/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình chiếu sáng
 - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9358:2012 Lắp đặt hệ thống nối đất cho các thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung;
 - TCVN 2737:2023, Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế
 - Kết cấu thép - tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5575-2023;
 - Tiêu chuẩn quốc gia về kết cấu thép - gia công - lắp ráp - nghiệm thu và yêu cầu kỹ thuật:TCVN 10307:2014;
 - Tiêu chuẩn về thép hình, thép tấm: TCVN 6522:2008 về thép tấm kết cấu cán nóng, JISG3101, KSD3503;
 - Tiêu chuẩn bu lông đai ốc: TCVN 1876-1976 ; TCVN 1896-1976;
 - Tiêu chuẩn về vòng đệm vênh: TCVN 132-77 ; TCVN 2060-77;
 - Tiêu chuẩn TCVN 7665:2007 - Lớp phủ kim loại; TCVN 5408:2007- Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép; TCVN 5026:2010 - Lớp phủ kim loại và lớp phủ vô cơ khác;
 - Kết bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5574-2018
 - Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam: TCVN 9362: 2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
 - Các tài liệu hướng dẫn tính toán đường dây tải điện trên không, trạm biến áp và tính toán nền móng công trình trong nước và Quốc tế.
 - Mạng viễn thông - Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 8699:2011;
 - Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đấu cáp viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 8700:2011;
 - Và một số tiêu chuẩn khác có liên quan.
- 9.2.5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn cây xanh, chiếu sáng sân vườn:*
- TCVN 9257:2012: Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị- Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4449:1987 Quy hoạch xây dựng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4447:2012: Công tác đất, thi công và nghiệm thu
- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCXD 25:1991; TCXD 27:1991 về tiêu chuẩn thiết kế lắp đặt đường dây dẫn điện và thiết bị điện trong nhà và công trình;
- TCXDVN 333:2005 “Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế”;
- TCVN 4576:1989 - Tiêu chuẩn về nối đất, nối không các thiết bị điện;
- 9.2.6. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng chung.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Công trình xây dựng - Tổ chức thi công : TCVN 4055:2012;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4447:2012. Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì : TCVN 9343:2012;
- Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép- Tiêu chuẩn thiết kế : TCVN 5573-2011;
- TCVN 7570: 2006- Cốt liệu cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10796:2015 - Cát mịn cho bê tông và vữa.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2682:2020 - Xi măng Poóc lăng.
- Hoàn thiện mặt bằng xây dựng: Quy phạm thi công: TCVN 9377:2012;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9340: 2012 Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu;
- Kim loại : Phương pháp kéo thử: TCVN 197-1:2014;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác./.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: **80.000.000.000 đồng** (*Tám mươi tỷ đồng chẵn*).

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	29.400.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	42.919.670.000	đồng.
- Chi phí thiết bị:	914.100.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	911.344.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.557.015.000	đồng.
- Chi phí khác:	1.238.103.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	2.059.768.000	đồng.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

12. Nguồn vốn: Vốn đầu tư công ngân sách xã giai đoạn 2026- 2030, nguồn vốn đầu tư công bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố và nguồn

vốn hỗ trợ hợp pháp khác.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Chủ đầu tư căn cứ vào các nội dung phê duyệt tại Điều 1, tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, theo đúng các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng hiện hành.

Điều 3. Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Chánh văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chính Thống